

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-PT  
Ngày 04 tháng 5 năm 2021  
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Tuấn

*Các thẩm phán:*

Bà Thái Thị Phi Yến

Ông Ngô Hà Nam

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Hồng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2021/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2021 về tranh chấp ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2021/QĐXXPT-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Quang T, sinh năm 1930; địa chỉ: 215/125 đường H, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1949; địa chỉ: 215/125 đường H, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

3. Người kháng cáo: Ông Trần Quang T là nguyên đơn (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn, ông Trần Quang T trình bày:* Ông kết hôn với bà Trần Thị H vào năm 1986, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do

tính tình và quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau. Nay ông T thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông Trần Quang T xác định vợ chồng có 02 con chung tên Trần Quang D, sinh năm 1986 và Trần Quang H, sinh năm 1989. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn, bà Trần Thị H trình bày:* Thống nhất như lời trình bày của ông Trần Quang T về thời gian, điều kiện kết hôn. Bà H khai hiện tại trí nhớ của ông T không ổn định, khi nhớ khi không, hằng ngày bà là người chăm lo sức khỏe cho ông. Nay ông T khởi kiện ly hôn, bà H xin đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Bà Trần Thị H xác nhận vợ chồng có 02 con chung như ông T trình bày và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung như trên bản án hôn nhân gia đình số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang T đối với bà Trần Thị H về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho hai vợ chồng ông Trần Quang T và bà Trần Thị H trở về đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình.

2. Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Tòa án không giải quyết.

Bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, ông Trần Quang T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Quang T vẫn giữ nguyên kháng cáo. Ông cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do bà H ngoại tình với người khác, có những lời nói xúc phạm ông, nghe lời người ngoài chứ không nghe ý kiến của ông nên ông muốn được ly hôn với bà H.

Bà Trần Thị H cho rằng ông T đã lớn tuổi, bị thương tích trong đầu do chiến tranh nên trí nhớ ông không ổn định, lúc nhớ lúc quên và ông cũng bị nặng tai nên mọi việc sinh hoạt hằng ngày đều do bà thực hiện và chăm sóc sức khỏe cho ông. Khi có người nào đến nhà trao đổi công việc gì thì ông T hay nghi ngờ, ghen tuông và cho rằng bà ngoại tình rồi lớn tiếng. Thực tế không có việc bà ngoại tình như ông T trình bày vì bà cũng đã lớn tuổi. Nay ông T khởi kiện ly hôn, bà H không đồng ý vì bà không có lỗi gì, bà mong muốn vợ chồng đoàn tụ để bà chăm lo cho ông T lúc tuổi xế chiều.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quang T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Trần Quang T là hợp lệ, được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Các tài liệu trong hồ sơ vụ án như Sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân, giấy khai sinh của con ông T, bà H thể hiện: ông Trần Quang T sinh ngày 10/3/1930. Trích lục kết hôn số 516/TLKH-BS do UBND phường Tam Thuận cấp ngày 15/10/2020 thể hiện ông Trần Quang T sinh ngày 10/3/1936. Theo ông T và bà H thì ông T sinh ngày 10/3/1930 nhưng không biết vì sao khi khai đăng ký kết hôn vào năm 1986 lại ghi sinh ngày 10/03/1936.

Để làm rõ nội dung trên, Hội đồng xét xử tạm ngưng phiên tòa, xác minh tại UBND phường Tam Thuận, là nơi ông T và bà H đăng ký kết hôn, xác định: Thông tin lưu lại Sổ bộ đăng ký kết hôn của UBND phường Tam Thuận – Quyển số 02 – Năm 1978-1989 thì ông Trần Quang T sinh ngày 10/3/1936; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; kết hôn lần hai, không có số chứng minh nhân dân; kết hôn với bà Trần Thị H, sinh ngày 13/4/1949; nghề nghiệp: Giáo viên mẫu giáo; kết hôn lần thứ nhất; số chứng minh nhân dân: 200093394. Giấy khai đăng ký kết hôn do ông T, bà H tự khai ngày 02/5/1986 (có xác nhận của

chính quyền địa phương) cũng đều ghi ông T sinh ngày 10/03/1936. Như vậy, để đánh giá tính pháp lý của mối quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Quang T và bà Trần Thị H, ngoài Trích lục kết hôn còn phải đánh giá tình trạng hôn nhân thực tế của các bên mới đúng pháp luật.

[3] Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm xác định ông Trần Quang T và bà Trần Thị H sống chung với nhau trước khi lập Giấy khai đăng kết hôn khoảng 02 tháng, tức khoảng tháng 03/1986. Sau khi kết hôn 7 tháng thì sinh con đầu là Trần Quang D (sinh ngày 27/12/1986) và sống chung với nhau đến hôm nay. Như vậy, ông T và bà H đã sống chung với nhau như vợ chồng trước ngày 01/3/1987.

Căn cứ vào Luật hôn nhân gia đình năm 1986 và Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Quang T và bà Trần Thị H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào Trích lục kết hôn số 516/TLKH-BS ngày 15/10/2020 của UBND phường Tam Thuận để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Quang T sinh ngày 10/03/1930 và bà Trần Thị H hợp pháp là thiếu sót.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Quang T thì thấy: Vợ chồng Ông chung sống hòa thuận từ năm 1986 đến nay và đã có 02 con chung đều trưởng thành, có gia đình; các con chung cũng như bà H không thống nhất việc ông xin ly hôn mà mong muốn ông bà cùng nhau nương tựa lúc tuổi già. Bà H là người hằng ngày chăm lo bữa ăn, chăm sóc sức khỏe cho ông lúc ốm đau, bệnh tật. Ông T cho rằng bà ngoại tình, nghe lời người ngoài nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Xét thấy, hiện tại ông T và bà H đều đã lớn tuổi, nguyên nhân mâu thuẫn không trầm trọng, bà H vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ để bà chăm lo cho ông T lúc tuổi xế chiều nên không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quang T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp.

[5] Ông Trần Quang T là người cao tuổi nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quang T về việc ly hôn với bà Trần Thị H, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

2. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của ông Trần Quang T đối với bà Trần Thị H.

3. Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Tòa án không giải quyết.

4. Ông Trần Quang T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND quận Thanh Khê;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Anh Tuấn**